

Hải Dương, ngày 30 tháng 10 năm 2015

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2010-2015

Thực hiện Văn bản số 3475/BTNMT-KTTVBĐKH ngày 21/8/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Văn bản số 1943/UBND-VP, ngày 27/8/2015 của UBND tỉnh Hải Dương “V/v: Hướng dẫn tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình MTQG ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2010-2015”. Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2010-2015 trên địa bàn tỉnh Hải Dương như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thông tin về Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu.

Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2010 - 2015, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương đã tham mưu cho UBND tỉnh thành lập tổ công tác gồm đại diện các Sở, ngành và Trung tâm Khí tượng thủy văn tỉnh để triển khai thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Hải Dương giai đoạn 2012 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

- Quyết định thành lập tổ công tác:

Quyết định số 127/QĐ-TN&MT, ngày 15/9/2011 của Sở Tài nguyên và Môi trường “Về việc thành lập Tổ công tác thực hiện dự án Xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Hải Dương”.

- Số lượng thành viên tổ công tác: 18 người.

Ông Tạ Hồng Minh, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Tổ trưởng tổ công tác.

- Trụ sở văn phòng chỉ đạo tổ công tác: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương.

- Địa chỉ liên hệ: Số 159, đường Ngô Quyền, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2. Thông tin về các văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan thực hiện Chương trình.

- Quyết định số 2411/QĐ-UBND, ngày 25/8/2011 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí Dự án Xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Hải Dương;
- Quyết định số 127/QĐ-TN&MT, ngày 15/9/2011 của Sở Tài nguyên và Môi trường “Về việc thành lập Tổ công tác thực hiện dự án Xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Hải Dương”;
- Văn bản số 614/STNMT-QLTNKSNKTTV ngày 15/12/2011 của Sở Tài nguyên và Môi trường “V/v cho ý kiến về kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Hải Dương giai đoạn 2011 - 2015”;
- Văn bản số 685/STNMT-QLTNKSNKTTV ngày 16/10/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường “V/v tham gia ý kiến vào nội dung Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Hải Dương”;
- Văn bản số 706/STNMT-QLTNKSNKTTV ngày 23/10/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường “V/v xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2013 - 2015”;
- Tờ trình số 480/TTr-TN&MT ngày 05/12/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường “Về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Hải Dương”;
- Quyết định số 3051/QĐ-UBND ngày 19/12/2012 của UBND tỉnh Hải Dương “Về việc ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Hải Dương giai đoạn 2012-2017 và định hướng đến năm 2025”.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ, dự án

Giai đoạn 2010 - 2015, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành có liên quan tích cực triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu. Các nhiệm vụ, dự án nằm trong chương trình được các Sở, ngành triển khai thực hiện cụ thể.

(Chi tiết tại Phụ lục 1)

2. Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu

2.1. Về các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

2.1.1. Các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu cho ngành nông nghiệp

- Phát triển chăn nuôi áp dụng xử lý phân thải dạng sinh học. Tuyên truyền, hỗ trợ kinh phí và kỹ thuật để mở rộng mô hình biogas tại các hộ gia đình có quy mô chăn nuôi nhỏ, lẻ.

- Tăng cường công tác bảo vệ rừng hiện có; ngăn chặn, kiểm soát và xử lý việc khai thác, kinh doanh và sử dụng trái phép; phòng chống cháy rừng:

+ Tăng cường công tác phòng chống cháy rừng tại khu vực thị xã Chí Linh;

+ Trang thiết bị phòng chống cháy rừng đầy đủ, hiện đại. Nghiên cứu phát triển hệ thống cảnh báo nguy hại. Mức độ nguy hại cháy rừng cơ bản được tính toán dựa trên chỉ số cháy của Nesteror (1949). Các nhân tố khí hậu được dùng trong nghiên cứu hệ thống cảnh báo gồm: nhiệt độ khô, nhiệt độ ướt, lượng mưa, ẩm độ, số ngày không mưa....

- Định hướng quy hoạch phát triển rừng kèm theo các chương trình xã hội hoá lâm nghiệp.

- Nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch và chiến lược quản lý hệ thống các khu bảo tồn, rừng tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học thích ứng với biến đổi khí hậu:

+ Triển khai giám sát, quan trắc sự tác động của biến đổi khí hậu tới các khu bảo tồn về chất lượng môi trường (đất, nước, không khí), độ đa dạng sinh học (thành phần loài, đa dạng nguồn gen...) để xuất các biện pháp ứng phó khẩn cấp trong trường hợp có sự suy giảm nghiêm trọng; Xây dựng giải pháp tổng thể nhằm bảo vệ khu bảo tồn Đảo Cò trên địa bàn tỉnh;

+ Xây dựng các đề án nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch và chiến lược quản lý các khu bảo tồn trong điều kiện biến đổi khí hậu.

2.1.2. Các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu đối với lĩnh vực kinh tế - xã hội

- Để đảm bảo các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, các giải pháp gồm:

+ Lồng ghép các kế hoạch ứng phó BĐKH vào quy hoạch phát triển tổng thể của tỉnh;

+ Phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành trong ứng phó với BĐKH;

+ Nâng cao năng lực cho cán bộ của tỉnh về BĐKH và các kỹ năng lồng ghép các chiến lược, chương trình, kế hoạch ứng phó BĐKH vào các kế hoạch phát triển ngành và địa phương.

- Đảm bảo mục tiêu xóa đói giảm nghèo và giảm thiểu tác động đến các nhóm dễ bị tổn thương, các giải pháp gồm:

- + Xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển cho các nhóm dễ bị tổn thương;
- + Lồng ghép các chính sách, hoạt động hỗ trợ các nhóm dễ bị tổn thương vào các kế hoạch, chiến lược phát triển ngành;
- + Các địa phương chủ động trong công tác xóa đói giảm nghèo.
- Xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp luật, có cơ chế, chính sách đồng bộ và thống nhất trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.1.3. Các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu đối với lĩnh vực tài nguyên nước

- Tăng cường điều tra cơ bản:
 - + Thực hiện việc điều tra đánh giá đầy đủ về tài nguyên nước của tỉnh về trữ lượng, chất lượng để lập quy hoạch khai thác, sử dụng; điều tra đầy đủ các cơ sở sản xuất kinh doanh có xả nước thải vào nguồn nước, quy hoạch mạng lưới xả thải; Điều tra hoạt động của các giếng khoan khai thác nước dưới đất;
 - + Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác nước dưới đất trên địa bàn; đánh giá mực nước hạ thấp, chất lượng nước đối với các công trình khai thác nước dưới đất tập trung; xác định mức độ ảnh hưởng của việc khai thác tới cạn kiệt, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước và sụt lún mặt đất; khoanh vùng các khu vực mực nước hạ thấp quá mức; xác định các công trình có nguồn nước bị ô nhiễm, báo cáo cơ quan có thẩm quyền để có biện pháp xử lý, khắc phục;
 - + Điều tra lập danh bạ các giếng khoan khai thác đã bị hư hỏng không còn hoạt động, các giếng khoan quan trắc không còn sử dụng, các lỗ khoan thăm dò cũ để có biện pháp xử lý các lỗ khoan này, phòng tránh nhiễm bẩn nguồn nước dưới đất.
- Xây dựng quy hoạch bảo vệ, khai thác:
 - + Nghiên cứu xây dựng quy hoạch khai thác và bảo vệ tài nguyên nước ở các lưu vực sông nội tỉnh trên cơ sở gắn kết với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Trong đó, xác định ưu tiên bảo đảm nguồn nước cho cấp nước sinh hoạt, các đô thị lớn, khu công nghiệp, khu kinh tế tập trung và các ngành sản xuất có giá trị kinh tế cao. Bảo đảm nước tưới hợp lý cho cây trồng;
 - + Khảo sát, quy hoạch, xây dựng hồ chứa nước.

- Đẩy mạnh hoạt động quản lý:

+ Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản lý nhà nước đối với tài nguyên nước: tập huấn công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước cho cán bộ ngành TN&MT cấp huyện, xã;

+ Hỗ trợ đầu tư xây dựng các điểm quan trắc nước mặt, nước dưới đất, các điểm kiểm soát ô nhiễm ở các khu đô thị và các khu/cụm công nghiệp, làng nghề trong tỉnh;

+ Giúp đỡ kinh phí để điều tra và xử lý trám lấp các giếng khoan UNICEF hiện có trên địa bàn tỉnh bị hư hỏng, không hoạt động đang gây ô nhiễm, cạn kiệt nguồn nước dưới đất;

+ Hỗ trợ trang thiết bị trao đổi thông tin, phục vụ đắc lực cho công tác quản lý tài nguyên nước;

+ Đẩy mạnh công tác kiểm tra các hoạt động liên quan đến tài nguyên nước. Trong đó, tập trung cấp phép cho các doanh nghiệp, tổ chức sản xuất có kế hoạch đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải.

- Công tác kiểm tra:

+ Đối với nước mặt: Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các cam kết về bảo vệ môi trường cũng như các cam kết trong cấp phép xả thải đối với các đối tượng là các cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm cao. Tăng cường hoạt động phối hợp thanh, kiểm tra với các ban quản lý khu, cụm công nghiệp, phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố, thị xã cũng như các Sở, ngành liên quan;

+ Đối với nước dưới đất: Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc khai thác, hành nghề khoan nước dưới đất; ngăn chặn, đình chỉ việc khai thác nước không được cấp phép theo quy định của pháp luật; đình chỉ hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hành nghề đối với các tổ chức, cá nhân không đủ năng lực kỹ thuật hành nghề. Tăng cường kiểm tra, theo dõi quá trình thi công các giếng thăm dò, khai thác nước dưới đất. Tăng cường công tác chia sẻ thông tin, thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo giữa các đơn vị chuyên ngành cấp tỉnh, huyện, xã.

- Công tác tuyên truyền giáo dục:

+ Đầu tư kinh phí, tài liệu để đẩy mạnh công tác truyền thông tới cộng đồng về pháp luật tài nguyên nước và các chính sách pháp luật có liên quan nhằm nâng cao nhận thức trong việc thực thi pháp luật tài nguyên nước, có ý thức về bảo vệ, khai thác sử dụng hiệu quả tài nguyên nước;

+ Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý tài nguyên và môi trường ở các cấp huyện, xã về công tác bảo vệ, khai thác, sử dụng bền vững nguồn nước dưới đất;

+ Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tài nguyên nước và bảo vệ môi trường cho nhân dân thông qua các hình thức truyền thông như: truyền hình, thi tìm hiểu, báo, tờ rơi,...

2.1.4. Các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu đối với lĩnh vực giao thông vận tải và cơ sở hạ tầng

- Xây dựng kế hoạch bảo trì, phòng chống bão, ngập lụt, phát triển hệ thống giao thông của tỉnh dựa trên đánh giá các tác động của BĐKH;

- Khuyến khích đẩy mạnh nghiên cứu và sử dụng nhiên liệu tái tạo trong các phương tiện vận tải;

- Nghiên cứu ứng dụng các vật liệu chịu nhiệt, chịu lực, nghiên cứu tính toán hệ số dẫn nở để đảm bảo tính bền vững cho các công trình giao thông trong điều kiện BĐKH;

- Quy hoạch phát triển giao thông đường thủy hợp lý, kết hợp nâng cấp các hệ thống, công trình thủy lợi nâng cao năng lực giao thông đường thủy trên các hệ thống sông; Khi xây dựng các công trình, đặc biệt là các công trình gần với sông, kênh rạch cần phải tính toán thủy văn, thủy triều chính xác để tránh bị ngập khi nước biển dâng trong vùng dự án;

- Nâng cao năng lực cho cán bộ của tỉnh về BĐKH và các kỹ năng lồng ghép các chiến lược, chương trình, kế hoạch ứng phó BĐKH vào các kế hoạch phát triển ngành.

2.1.5. Các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu đối với lĩnh vực y tế và sức khỏe

- Tăng cường áp dụng các giải pháp về công nghệ, trang thiết bị, hệ thống kiểm soát bệnh tật phát sinh, phát triển, lây lan trong điều kiện BĐKH, nhất là sau thiên tai.

- Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh phòng dịch, nâng cao sức khoẻ con người:

+ Xây dựng, thường xuyên đào tạo, nâng cao năng lực các đội vệ sinh phòng dịch ở cấp xã. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên tổ chức vệ sinh phòng dịch, nâng cao sức khoẻ cộng đồng. Tổ chức phun thuốc diệt muỗi định kỳ;

+ Xây dựng và nhân rộng mô hình cộng đồng ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, từ một mô hình thí điểm tại một xã của một huyện trong tỉnh sẽ nhân rộng đến các huyện;

+ Thiết lập hệ thống cảnh báo sớm để giám sát biến đổi khí hậu, trong đó chú ý đến các bệnh dịch, các bệnh tái xuất hiện và mới nổi;

+ Xây dựng kế hoạch và Chương trình nhằm kiểm soát và giám sát sức khỏe ở những khu vực có nguy cơ lây nhiễm cao tại các khu vực có diện tích đất bị ngập thường xuyên (đặc biệt là khu vực nông thôn). Cần có các giải pháp can thiệp y tế khi cần thiết và ở những nơi có điều kiện chưa tốt;

+ Đề phòng sự lây nhiễm và truyền bệnh tật từ bên ngoài, kiểm dịch chặt chẽ các bệnh dịch có thể phát sinh giữa các tỉnh do biến đổi khí hậu gây ra.

- Giáo dục cộng đồng nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức về sức khỏe môi trường do tác động của BĐKH. Người dân có đủ kiến thức để nhận dạng về các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe của chính họ và người thân:

+ Sử dụng nước không hợp vệ sinh là nguyên nhân dẫn đến các bệnh đường tiêu hóa, bệnh về da...

+ Khí hậu nóng lên là nguyên nhân phát sinh các bệnh truyền nhiễm: Bệnh cúm A(H1N1), Bệnh cúm A (H5N1), Bệnh sốt xuất huyết, Bệnh sốt rét, Bệnh tả, Bệnh thương hàn, Bệnh viêm não do virus, Bệnh viêm đường hô hấp cấp tính (SARC). Đây là các bệnh truyền nhiễm mới nổi hoặc đã từng giảm thiểu giờ quay trở lại. Chính vì vậy, người dân cần có những kiến thức và thực hành phòng bệnh như: rửa tay xà phòng, làm nhà tiêu hợp vệ sinh, đậy nắp dụng cụ chứa nước...(đặc biệt là trẻ em và người cao tuổi), vệ sinh chuồng trại, làm vệ sinh thôn xóm...để tự mình và cộng đồng giảm thiểu nguy cơ mắc các bệnh.

2.1.6. Các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu đối với lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học

- Thiết lập mạng lưới bảo tồn sinh học, trong đó bảo tồn khu bảo tồn sinh học là Đảo Cò;

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng trong bảo vệ đa dạng sinh học;

- Nâng cao năng lực cho các cán bộ của tỉnh về BĐKH và các kỹ năng lồng ghép các chiến lược, chương trình, kế hoạch ứng phó BĐKH vào các kế hoạch phát triển ngành;

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc nghiên cứu và bảo tồn đa dạng sinh học.

2.1.7. Các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu đối với lĩnh vực ứng phó với thiên tai

- Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai:

+ Nâng cao năng lực: quản lý và thực hiện công tác phòng chống thiên tai (ngập lụt, trượt lở đất bờ sông và cháy rừng).

+ Tổ chức diễn tập phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu hộ hàng năm.

- Tuyên truyền nâng cao, chủ động phòng chống thiên tai cho người dân, trong đó lấy cán bộ đoàn thanh niên làm nòng cốt.

+ Tập huấn cho các cán bộ đoàn nòng cốt của các xã, phường, thị trấn về công tác phòng chống thiên tai (bão, ngập lụt, dông lốc, mưa đá, hạn hán, rét đậm, rét hại...), phòng chống và chữa cháy rừng;

+ Xây dựng các đội xung kích (đoàn thanh niên làm nòng cốt) về phòng chống bão, ngập lụt, dông lốc, mưa đá, hạn hán, rét đậm, rét hại...

- Nâng cao nhận thức về công tác phòng chống bão, ngập lụt, dông lốc, mưa đá, hạn hán, rét đậm, rét hại, phòng chống và chữa cháy rừng cho học sinh (tại tất cả các bậc học phổ thông):

+ Xây dựng các sản phẩm tuyên truyền, nâng cao nhận thức: sổ tay (chủ yếu hình vẽ), phim hoạt hình;

+ Tổ chức các cuộc thi nâng cao nhận thức về phòng chống ngập lụt, dông lốc, mưa đá, hạn hán, rét đậm, rét hại, cháy rừng: vẽ tranh, các buổi sinh hoạt ngoại khóa.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo ngập lụt cấp tính: xây dựng hệ thống cảnh báo ngập lụt tại những nơi hay xảy ra ngập lụt.

2.1.8. Các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu đối với lĩnh vực năng lượng

- Nâng cao hiệu quả sử dụng và bảo tồn năng lượng theo hướng tiết kiệm.

- Ưu tiên cho các dự án phát triển theo cơ chế sạch (CDM).

- Khai thác, sử dụng các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời...

- Tiết kiệm năng lượng trong sinh hoạt, trong giao thông vận tải, trong sản xuất và chiếu sáng công cộng.

- Nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ: sử dụng tiết kiệm, bảo tồn năng lượng phải được cải thiện và nâng cao hơn nữa trong tương lai.

- Phát triển khí sinh học và các mô hình thu năng từ chất thải.

- Đối với chăn nuôi: phát triển mạnh mô hình bể biogas tại các trang trại chăn nuôi kết hợp với mô hình sản xuất vườn - ao - chuồng (VAC).

2.1.9. Các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu đối với lĩnh vực xử lý chất thải

- Phát triển chăn nuôi áp dụng xử lý phân thải dạng khí sinh học: phát triển mô hình bể biogas tại các trang trại chăn nuôi kết hợp với mô hình sản xuất vườn - ao - chuồng (VAC). Ngoài ra, với quy mô sản xuất trang trại, hoàn toàn phù hợp để xây dựng hệ thống thu hồi khí metan để giải quyết chất thải chăn nuôi và sử dụng làm năng lượng.

- Đẩy mạnh áp dụng các công nghệ tiên tiến trong xử lý rác thải, sử dụng chất thải để tái chế, tái sử dụng hoặc tái tạo năng lượng, giảm chôn lấp, đổ tập trung để hạn chế những tác động xấu đến môi trường và hạn chế phát thải khí nhà kính.

- Khuyến khích, hỗ trợ kỹ thuật để mở rộng ứng dụng các chế phẩm sinh học để sản xuất phân hữu cơ vi sinh đa chủng từ phế thải nông nghiệp và bã hầm biogas trên địa bàn các xã sản xuất nông nghiệp, có sử dụng mô hình biogas. Phân hữu cơ vi sinh vừa giải pháp cho đất bạc màu bổ sung dinh dưỡng trở lại cho đất, vừa giải quyết được vấn đề chất thải trong sản xuất nông nghiệp.

- Sử dụng công nghệ đốt yếm khí các phế thải nông nghiệp như chấu, lõi ngô, rơm rạ trong đun nấu tại các gia đình.

- Tiếp nhận công nghệ sản xuất vách ngăn, tấm ván ép từ rơm rạ và phế thải nông nghiệp.

- Thực hiện các biện pháp thu hồi triệt để khí mêtan từ các bãi rác đã có để làm nguyên liệu sử dụng cho sinh hoạt và sản xuất: xây dựng kế hoạch áp dụng công nghệ tiên tiến trong xử lý rác hữu cơ làm phân bón, giảm chôn ủ để hạn chế những tác động xấu đến môi trường và hạn chế phát thải khí mêtan.

- Tiếp tục tuyên truyền, hỗ trợ kinh phí và kỹ thuật để mở rộng mô hình biogas tại các hộ gia đình có quy mô chăn nuôi nhỏ, lẻ.

2.2. Mục tiêu tổng quát đến năm 2020

Phát triển nhanh, vững chắc và toàn diện, xây dựng Hải Dương cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp có nền tảng kinh tế công nghiệp hóa, văn hóa- xã hội tiến bộ văn minh, môi trường bền vững, quốc phòng- an ninh vững chắc, trung tâm kinh tế, đô thị lớn và hiện đại ở đồng bằng sông Hồng vào năm 2020, hướng đến hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa trở thành tỉnh công nghiệp vào thời kỳ sau 2020 đến 2030.

2.2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 11-11,5%/năm trong thời kỳ 2011- 2020. GDP bình quân đầu người đạt 1800 USD vào năm 2015 và 3400- 3500 USD vào năm 2020.

+ Giai đoạn 2011- 2015: tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 11%/năm: Nông nghiệp 1,8%/năm; Công nghiệp - xây dựng 12,5- 13%/năm; Dịch vụ 12- 12,5%/năm.

+ Giai đoạn 2016- 2020: tăng trưởng GDP bình quân 11,5- 12%/năm: Nông nghiệp 1,8%/năm; Công nghiệp- xây dựng 12,5- 13%/năm; Dịch vụ 12- 12,5%/năm.

- Tỷ trọng các khu vực trong cơ cấu GDP:

+ Năm 2015: Nông nghiệp 19%; Công nghiệp-xây dựng 48%; Dịch vụ 33%.

+ Năm 2020: Nông nghiệp 13,3%; Công nghiệp-xây dựng 50,2%; Dịch vụ 36,5%.

- Cơ cấu lao động trong nền kinh tế theo các khu vực Nông nghiệp - Công nghiệp và xây dựng - Dịch vụ tương ứng vào năm 2015: 43% - 30% - 27%; vào năm 2020: 30% - 37,5% - 32,5%.

- Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm 16-16,5% đến 2020.

- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn hàng năm tăng bình quân 15,5- 16% đến 2020.

2.2.2. Chỉ tiêu phát triển lĩnh vực văn hóa - xã hội

- Tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm 0,4- 0,5%, quy mô dân số 1,78- 1,79 triệu người, tỷ lệ dân số thành thị chiếm 40- 41% vào năm 2020.

- Thu nhập thực tế đầu người của dân cư tăng lên gấp 1,9- 2 lần sau mỗi giai đoạn kế hoạch 5 năm, bình quân đạt 2,5- 2,6 triệu đồng người/tháng vào 2015 và 4,8- 5 triệu đồng người/tháng vào 2020.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống hàng năm trung bình 1,7- 1,8%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55% và 75% trong đó lao động qua đào tạo nghề đạt 40% và 55% đến 2015 và 2020.
 - Tỷ lệ lao động trong độ tuổi thất nghiệp ở khu vực thành thị giảm xuống dưới 4% trong giai đoạn 2011- 2020.
 - Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn xã, phường văn hoá đạt 75% vào 2020.
 - Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi giảm xuống dưới 10% vào 2015 và dưới 5% vào 2020.
 - Bình quân có 30 giường bệnh/vạn dân giai đoạn 2015- 2020.
 - Tỷ lệ các hộ nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95% vào 2015 và 100% vào 2020.
 - Tỷ lệ số xã đạt tiêu chuẩn xã nông thôn mới chiếm 25% vào 2015 và trên 60% vào 2020, tỉnh đạt tiêu chí nông thôn mới vào năm 2020.

2.2.3. Chỉ tiêu phát triển bền vững môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng và cây xanh đạt 22,5- 23% đến năm 2020.
- Tỷ lệ thu gom và xử lý theo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường các loại rác thải nguy hại đạt 100% vào 2015; thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt đô thị và nông thôn đạt trên 85% và 75% vào 2015, trên 95% và 90% vào 2020.
- Tỷ lệ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoạt động có hệ thống xử lý nước thải theo quy định môi trường đạt 100% vào 2015.

III. CÁC KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Khó khăn, vướng mắc

- Hệ thống chính sách pháp luật về tài nguyên và môi trường, đặc biệt trong lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu tuy đã được điều chỉnh, bổ sung thường xuyên, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu giải quyết một số vấn đề vướng mắc trong thực tế.

- Ý thức chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường của một bộ phận người dân và một số tổ chức, cá nhân còn hạn chế.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác ứng phó với biến đổi khí hậu; quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường còn thiếu ở các cấp, đặc biệt trong lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Việc đầu tư nguồn nhân lực, phương tiện, thiết bị cho công tác ứng phó với biến đổi khí hậu; quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường còn thiếu và yếu.

- Công tác quản lý, xử lý chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại, rác thải sinh hoạt và xử lý nước thải còn bất cập.

2. Đề xuất giải pháp

- Công tác tuyên truyền giáo dục:

+ Đầu tư kinh phí, tài liệu để đẩy mạnh công tác truyền thông tới cộng đồng về pháp luật tài nguyên môi trường và các chính sách pháp luật có liên quan nhằm nâng cao nhận thức trong việc thực thi pháp luật tài nguyên môi trường, có ý thức về bảo vệ, khai thác sử dụng hiệu quả tài nguyên môi trường.

+ Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý tài nguyên và môi trường ở các cấp về công tác bảo vệ, khai thác, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên.

+ Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tài nguyên môi trường và bảo vệ môi trường cho nhân dân thông qua các hình thức truyền thông như: truyền hình, thi tìm hiểu, báo, tờ rơi,...

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai, thực hiện các đề án, chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và Nghị quyết của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Lồng ghép việc ứng phó với biến đổi khí hậu vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường điều tra cơ bản:

+ Thực hiện việc điều tra đánh giá đầy đủ về tài nguyên môi trường của tỉnh về trữ lượng, chất lượng để lập quy hoạch khai thác, sử dụng; điều tra đầy đủ các cơ sở có hoạt động khai thác tài nguyên.

+ Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác tài nguyên trên địa bàn; xác định mức độ ảnh hưởng của việc khai thác tài nguyên đến ô nhiễm môi trường và sụt lún mặt đất; xác định các công trình có nguy cơ gây ô nhiễm, báo cáo cơ quan có thẩm quyền để có biện pháp xử lý, khắc phục;

- Xác định, tổ chức thực hiện một số dự án ưu tiên để ứng phó với biến đổi khí hậu. Các lĩnh vực ưu tiên gồm: Nông nghiệp, tài nguyên môi trường, cơ sở hạ tầng, đa dạng sinh học.
- Xây dựng quy hoạch bảo vệ, khai thác:
 - + Nghiên cứu xây dựng quy hoạch khai thác và bảo vệ tài nguyên trên địa bàn tỉnh gắn kết với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.
- Đẩy mạnh hoạt động quản lý:
 - + Chủ động ban hành các văn bản pháp quy trong các lĩnh vực quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường; kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật còn bất cập, thiếu tính khả thi.
 - + Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản lý nhà nước đối với tài nguyên môi trường: mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường cho cán bộ ngành TN&MT cấp huyện, xã;
 - + Hỗ trợ đầu tư xây dựng các điểm quan trắc nước, các điểm kiểm soát ô nhiễm ở các khu đô thị và các khu/cụm công nghiệp, làng nghề trong tỉnh.
 - + Đầu tư kinh phí để điều tra và xử lý trám lấp các giếng khoan UNICEF hiện có trên địa bàn tỉnh bị hư hỏng, không hoạt động đang gây ô nhiễm, cạn kiệt nguồn nước dưới đất;
 - + Hỗ trợ trang thiết bị trao đổi thông tin, phục vụ đắc lực cho công tác quản lý tài nguyên môi trường;
 - + Đẩy mạnh, tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật, chính sách, chế tài, quy chuẩn, tiêu chuẩn,... về chủ động bảo vệ tài nguyên môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường công tác chia sẻ thông tin, thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo giữa các đơn vị chuyên ngành cấp tỉnh, huyện, xã.

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT VỚI TRUNG ƯƠNG VÀ TỈNH

1. Kiến nghị với Quốc hội

Sớm ban hành Luật về ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai nhằm tạo hành lang pháp lý cho lĩnh vực này.

2. Kiến nghị với Chính phủ

- Tiếp tục đầu tư kinh phí cho Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu đã được ban hành theo Quyết định số 158/QĐ-TTg

ngày 02/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

- Rà soát, điều chỉnh và bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu; về tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường nhằm đáp ứng công tác quản lý nhà nước về các lĩnh vực này.

3. Kiến nghị với các Bộ, ngành có liên quan

- Tham mưu ban hành quy định quản lý nhà nước về hoạt động chế biến khoáng sản; đơn giản hóa các thủ tục hành chính về lĩnh vực tài nguyên, môi trường.

- Quan tâm, tạo điều kiện cho các địa phương được tiếp cận với các chương trình, dự án quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu; tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Thường xuyên mở các lớp tập huấn cho các cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu; quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

4. Kiến nghị với UBND tỉnh

- Bổ sung biện chế và kiện toàn đội ngũ làm công tác quản lý Nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu; quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở, đặc biệt là cấp huyện và cấp xã.

- Quan tâm đầu tư kinh phí mua sắm các trang thiết bị phục vụ công tác quản lý Nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu; quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Vậy Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2010-2015 trên địa bàn tỉnh Hải Dương./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh Hải Dương;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QLTNKS-N-KTTV.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Lộc

Phụ lục số 1



SỞ TÀI NGUYỄN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG

**MỘT DANH MỤC CÁC NHMIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU GIAI ĐOẠN 2010-2015**

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Mục tiêu	Nội dung	Cơ quan chỉ trì	Các nội dung chưa thực hiện được
	Kế hoạch truyền thông nâng cao nhận thức về BĐKH cho bộ máy quản lý các cấp và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh của tỉnh giai đoạn 2013 - 2015	2013 - 2015		<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các lớp tập huấn cho cán bộ các ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương nhằm nâng cao nhận thức về BĐKH; - Cung cấp và tăng cường năng lực tổ chức, thê chế, chính sách về ứng phó với BĐKH cho các cấp quản lý của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Hải Dương; - Tăng cường nhận thức, ý thức trách nhiệm và sự tích cực tham gia của cộng đồng trong việc thích ứng với BĐKH; - Góp phần tích cực với cộng đồng quốc tế trong ứng phó với BĐKH; tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế của Việt Nam để ứng phó hiệu quả với BĐKH; - Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao về BĐKH ở các ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương. 		Sở TNMT phối hợp với các Sở, ban, ngành và tổ chức đoàn thể

	Cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Hải Dương	2014 - 2015	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế chính sách ứng phó với BĐKH; - Cập nhật kịch bản BĐKH cho tỉnh Hải Dương; - Hoàn thành việc đánh giá tác động của BĐKH, đặc biệt là tác động của các hiện tượng thời tiết cực đoan đến cụ thể từng ngành, lĩnh vực và địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương; - Hoàn thành việc xây dựng các giải pháp ứng phó với BĐKH đối với các ngành, lĩnh vực và địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương; - Tích hợp, lồng ghép Biến đổi khí hậu vào các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương. 	Sở TNMT phối hợp với các Sở, ban, ngành và tổ chức đoàn thể
2	Quy hoạch lưu vực sông nội tỉnh ứng phó với biến đổi khí hậu	2013 - 2017	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát, đánh giá hiện trạng các lưu vực sông nội tỉnh; - Quy hoạch các lưu vực sông nội tỉnh phù hợp với điều kiện có biến đổi khí hậu. 	Sở TNMT phối hợp với các Sở, ban, ngành
3	Cải tạo và nâng cấp tuyến đê sông Đinh Đào thuộc hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải đoạn qua huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	2014 - 2017	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo, nâng cấp, hoàn thiện già cá mặt đê kết hợp đường giao thông; - Kè chống sạt lở bờ sông các đoạn xung yếu, các đoạn khu dân cư; - Xây dựng, cải tạo nâng cấp các công trình trên kênh 	Sở NN&PTNT phối hợp với các Sở, ban, ngành và tổ chức đoàn thể
4	Quy hoạch các khu chôn lấp, xử lý nước thải, rác thải công nghiệp độc hại của tỉnh Hải	2012 - 2015	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát, đánh giá hiện trạng nồng lực quản lý, chôn lấp, xử lý nước thải, rác thải nguy hại tại các khu công nghiệp 	Sở Tài nguyên và Môi trường

	Dương phù hợp với điều kiện BĐKH	nghiệp, cơ sở sản xuất tỉnh Hải Dương; - Quy hoạch các khu chôn lấp, xử lý nước thải, rác thải công nghiệp nguy hại phù hợp với điều kiện BĐKH;	
6	Đầu tư xây dựng Trạm xử lý nước thải sinh hoạt (xử lý cấp 2) và bô sung hệ thống thoát nước, xử lý nước thải khu vực trung tâm thành phố Hải Dương	- Đề xuất các phương án xử lý, chôn lấp chất thải công nghiệp nguy hại góp phần giảm thiểu khí nhà kính; - Đề xuất các phương án xử lý nước thải công nghiệp độc hại góp phần giảm thiểu khí nhà kính.	- Xây dựng cụm xử lý sinh học (xử lý cấp 2) công suất 15.000 m ³ /ngày đêm; - Xây dựng một số tuyến công thu gom nước thải sinh hoạt, cải tạo và xử lý ô nhiễm một số đoạn kênh muong; - Cải tạo và xử lý ô nhiễm một số đoạn, muong trong khu vực nội thành thành phố Hải Dương.
7	Cải tạo, nâng cấp xây dựng các công điều tiết và nạo vét lòng sông, bãi bồi, mở rộng các vị trí co hẹp đầm bão phục vụ tưới tiêu; vụ tưới, tiêu thoát ngập úng sông Cửu An, đoạn qua huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương		- Cải tạo, nâng cấp xây dựng các công điều tiết và nạo vét lòng sông, bãi bồi, mở rộng các vị trí co hẹp đầm bão phục vụ tưới tiêu; - Gia cố một số vị trí sạt lở hai bên bờ sông; - Xây dựng, cải tạo các công điều tiết và công trình trên kênh.
8	Xây dựng cài tạo trạm bom Đò Hòn, Thành phố Hải Dương	2012 - 2015	- Xây dựng cài tạo trạm bom để đảm bảo chủ động tưới tiêu cho diện tích thành phố Hải Dương và huyện Nam Sách

			- Tổng hợp số liệu về BĐKH trên địa bàn toàn tỉnh; - Xây dựng phần mềm quản lý sở sưu trữ dữ liệu về BĐKH để phục vụ các đơn vị có liên quan sử dụng; - Cập nhật số liệu về BĐKH trên toàn tỉnh để có những thông tin dữ liệu nhằm phục vụ công tác lập kế hoạch, định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.	Sở TNMT phối hợp với các Sở, ban, ngành
9	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu làm định hướng cho các ngành, địa phương triển khai các hoạt động ứng phó với BĐKH	2013 - 2017		
10	Nạo vét và xây dựng hệ thống kè hai bờ sông Sặt đoạn từ Cầu Cây đến Cầu Cát	2014 - 2020	<ul style="list-style-type: none"> - Nạo vét lòng sông, bãi bồi, mở rộng mặt cắt các vị trí co hẹp đầm bảo phục vụ tưới tiêu và giao thông thủy; - Kè bảo vệ bờ chống xói lở bờ sông, đường giao thông - Xây dựng tường chắn, đường tràn, đê đầm bảo chống tràn, úng trong mùa mưa bão. 	Sở NN&PTNT phối hợp với các Sở, ban, ngành
11	Nạo vét kênh Thạch Khôi – Đoàn Thượng	2013 - 2017	<ul style="list-style-type: none"> - Nạo vét lòng sông, bãi bồi, mở rộng mặt cắt các vị trí co hẹp đầm bảo phục vụ tưới tiêu và giao thông thủy; - Kè bảo vệ bờ chống xói lở bờ sông - Nghiên cứu xây dựng các giống cây trồng vật nuôi và thủy sản mới có chất lượng tốt thích ứng với điều kiện BĐKH. 	Sở NN&PTNT phối hợp với các Sở, ban, ngành
12	Nghiên cứu nâng cao chất lượng các giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản mới áp dụng vào sản xuất nhằm thích ứng với BĐKH	2013 - 2015	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các tài liệu quy trình kỹ thuật cai tạo, lai ghép các giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản mới để phù hợp cho người dân. 	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 154/BC - UBND

Hải Dương, ngày 07 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện các dự án thuộc Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hải Dương

CÔNG VĂN ĐẾN
số: 2839

Ngày 10 tháng 12 năm 2015

Thực hiện Văn bản số 5050/BTNMT-KTTVBĐKH ngày 20/11/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc rà soát các dự án thuộc Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016 - 2020; UBND tỉnh Hải Dương báo cáo tình hình thực hiện các dự án thuộc Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hải Dương như sau:

1. Đối với các dự án đã được bố trí vốn triển khai

Ngày 19/9/2012, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục dự án ưu tiên thuộc Chương trình SP-RCC tại Văn bản số 1443/Ttg-QHQT. Theo đó, tỉnh Hải Dương được thực hiện dự án: Nâng cấp, gia cố kênh Thạch Khôi - Đoàn Thượng.

Dự án: Nâng cấp, gia cố kênh Thạch Khôi - Đoàn Thượng nằm trên địa bàn huyện Gia Lộc và thành phố Hải Dương có nhiệm vụ cấp nước tưới cho 3.152 ha diện tích đất canh tác (*huyện Gia Lộc 2.626 ha, huyện Từ kỳ 474 ha*); tiêu nước cho 2730 ha; giải quyết triệt để tình trạng nhiễm mặn, chống bồi lăng, chống sạt lở bờ, ổn định lâu dài cho dân cư sống hai bên bờ kênh.

Dự án đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tại Quyết định số: 738/QĐ-UBND ngày 11/4/2013, với tổng mức đầu tư 215 tỷ đồng. Tuy nhiên, do gặp khó khăn về nguồn vốn đầu tư nên dự án đến nay chưa được bố trí vốn để triển khai thực hiện.

Dự án đáp ứng các tiêu chí ưu tiên ứng phó với biến đổi khí hậu trong giai đoạn 2016 - 2020 và có giải pháp kép, đa mục tiêu, không hối tiếc như: Giữ nước phục vụ sản xuất trong mùa khô và điều tiết lũ trong mùa mưa. Chống ngập và xâm nhập mặn do thủy triều ở những khu vực có ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến sản xuất, tính mạng và đời sống nhân dân. Việc đầu tư Nâng cấp, gia cố kênh Thạch Khôi - Đoàn Thượng (*thuộc Chương trình Hỗ trợ ứng phó biến đổi khí hậu SP-RCC*) phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển vùng nói chung và quy hoạch phát triển ngành nói riêng tại khu vực xây dựng công trình bao gồm: Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hải Dương giai đoạn 2006-2020; Quy hoạch hệ thống thủy lợi tỉnh Hải Dương đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 và các quy hoạch khác.

Sau khi Nâng cấp, gia cố kênh Thạch Khôi - Đoàn Thượng sẽ tăng khả năng tưới tiêu chủ động; ngăn mặn xâm thực và giảm thiểu diện tích bị hạn,

ngập úng; góp phần tăng năng suất, tăng diện tích cây trồng; tạo cơ hội cho chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng thâm canh, góp phần nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho người dân. Ngoài ra, còn giảm thiểu diện tích của các hộ dân bị ngập úng trong mùa mưa bão; tạo cảnh quan môi trường xung quanh; góp phần vào công cuộc xây dựng cơ sở hạ tầng cho nông nghiệp, nông thôn đáp ứng nhu cầu bức xúc của người dân xung quanh vùng dự án; từng bước ổn định và nâng cao đời sống cho người dân.

2. Đối với các dự án trong danh mục chưa được bố trí vốn.

Căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh và định hướng Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu; UBND tỉnh Hải Dương báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường quan tâm, hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương để tỉnh có thể thực hiện các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016-2020 với tổng số 12 dự án (*Có danh mục các dự án kèm theo*).

Vậy, UBND tỉnh Hải Dương báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường tình hình thực hiện các dự án thuộc Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hải Dương./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu; (để báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và MT;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu: VT, (Ô.Đông 7b) ✓

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Cường

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
ỨNG PHÓ VỚI BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU GIAI ĐOẠN 2016-2020**
(Ban hành kèm theo Công văn số 157/BC-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh)

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Mục tiêu	Nội dung	Cơ quan chỉ trì	Các nội dung chưa thực hiện được
1	Kế hoạch truyền thông nâng cao nhận thức về BDKH cho bộ máy quản lý các cấp và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh của tỉnh giai đoạn 2013 - 2015	2013 - 2015		<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các lớp tập huấn cho cán bộ các ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương nhằm nâng cao nhận thức về BDKH; - Cung cấp và tăng cường năng lực tổ chức, thè chè, chính sách về ứng phó với BDKH cho các cấp quản lý của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Hải Dương; - Tăng cường nhận thức, ý thức trách nhiệm và sự tích cực tham gia của cộng đồng trong việc thích ứng với BDKH; - Góp phần tích cực với cộng đồng quốc tế trong ứng phó với BDKH; tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế của Việt Nam để ứng phó hiệu quả với BDKH; - Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao về BDKH ở các ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương. 	Sở TNMT phối hợp với các Sở, ban, ngành và tổ chức đoàn thể	

	Cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Hải Dương	2014 - 2015	<ul style="list-style-type: none"> Cập nhật bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế chính sách ứng phó với BĐKH; Cập nhật kịch bản BĐKH cho tỉnh Hải Dương; Hoàn thành việc đánh giá tác động của BĐKH, đặc biệt là tác động của các hiện tượng thời tiết cực đoan đến cụ thể từng ngành, lĩnh vực và địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Hoàn thành việc xây dựng các giải pháp ứng phó với BĐKH đối với các ngành, lĩnh vực và địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Tích hợp, lồng ghép Biến đổi khí hậu vào các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương. 	<ul style="list-style-type: none"> Cập nhật bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế chính sách ứng phó với BĐKH; Cập nhật kịch bản BĐKH cho tỉnh Hải Dương; Sở TNMT phối hợp với các Sở, ban, ngành và tổ chức đoàn thể
2	Quy hoạch lưu vực sông nội tỉnh ứng phó với biến đổi khí hậu	2013 - 2017	<ul style="list-style-type: none"> Khảo sát, đánh giá hiện trạng các lưu vực sông nội tỉnh; Quy hoạch các lưu vực sông nội tỉnh phù hợp với điều kiện có biến đổi khí hậu. 	<ul style="list-style-type: none"> Sở TNMT phối hợp với các Sở, ban, ngành
3	Cải tạo và nâng cấp tuyến đê sông Đinh Đào thuộc hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải đoạn qua huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	2014 - 2017	<ul style="list-style-type: none"> Cải tạo, nâng cấp, hoàn thiện già cỗi mặt đê kết hợp đường giao thông; Kè chống sạt lở bờ sông các đoạn xung yếu, các đoạn khu dân cư; Xây dựng, cải tạo nâng cấp các công trình trên kênh 	<ul style="list-style-type: none"> Sở NN&PTNT phối hợp với các Sở, ban, ngành và tổ chức đoàn thể
4	Quy hoạch các khu chôn lấp, xử lý nước thải, rác thải công nghiệp độc hại của tỉnh Hải	2012 - 2015	<ul style="list-style-type: none"> Khảo sát, đánh giá hiện trạng năng lực quản lý, chôn lấp, xử lý nước thải, rác thải nguy hại tại các khu công 	<ul style="list-style-type: none"> Sở Tài nguyên và Môi trường
5				

Dương phù hợp với điều kiện BĐKH		nghiệp, cơ sở sản xuất tỉnh Hải Dương;	
6	Đầu tư xây dựng Trạm xử lý nước thải sinh hoạt (xử lý cấp 2) và bổ sung hệ thống thoát nước, xử lý nước thải khu vực trung tâm thành phố Hải Dương	<ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch các khu chôn lấp, xử lý nước thải, rác thải công nghiệp nguy hại phù hợp với điều kiện BĐKH; - Đề xuất các phương án xử lý, chôn lấp chất thải công nghiệp nguy hại góp phần giảm thiểu khí nhà kính; - Đề xuất các phương án xử lý nước thải công nghiệp độc hại góp phần giảm thiểu khí nhà kính. 	
7	Cải tạo nâng cấp xây dựng các công điều tiết và nạo vét lòng sông, bãi bồi, mở rộng mặt cắt sông ở các vị trí co hẹp phục vụ tuồi, tiêu thoát ngập úng sông Cửu An, đoạn qua huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng cụm xử lý sinh học (xử lý cấp 2) công suất 15.000 m³/ngày đêm; - Xây dựng một số tuyến cống thu gom nước thải sinh hoạt, cải tạo và xử lý ô nhiễm một số đoạn kênh mương; - Cải tạo và xử lý ô nhiễm một số đoạn, muong trong khu vực nội thành thành phố Hải Dương. 	UBND thành phố Hải Dương phối hợp với các Sở, ban, ngành
8	Xây dựng cải tạo trạm bom Đò Hán, Thành phố Hải Dương	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo, nâng cấp xây dựng các công điều tiết và nạo vét lòng sông, bãi bồi, mở rộng các vị trí co hẹp đầm bão phục vụ tuồi tiêu; - Gia cố một số vị trí sạt lở hai bên bờ sông; - Xây dựng, cải tạo các công điều tiết và công trình trên kênh. <p>-Xây dựng cải tạo trạm bom để đảm bảo chủ động tuồi tiêu cho diện tích thành phố Hải Dương và huyện Nam Sách</p>	Sở NN&PTNT phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh

9	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu làm định hướng cho các ngành, địa phương triển khai các hoạt động ứng phó với BĐKH	2013 - 2017	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp số liệu về BĐKH trên địa bàn toàn tỉnh; - Xây dựng phần mềm quản lý sơ sờ dữ liệu về BĐKH để phục vụ các đơn vị có liên quan sử dụng; - Cập nhật số liệu về BĐKH trên toàn tỉnh để có những thông tin dữ liệu nhằm phục vụ công tác lập kế hoạch, định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.
10	Nạo vét và xây dựng hệ thống kè hai bờ sông Sặt đoạn từ Cầu Cây đến Cầu Cát	2014 - 2020	<ul style="list-style-type: none"> - Nạo vét lòng sông, bãi bồi, mở rộng mặt cắt các vị trí co hẹp đầm bảo phục vụ tưới tiêu và giao thông thủy; - Kè bảo vệ bờ chống xói lở bờ sông; - Xây dựng tường chắn, đường giao thông để đảm bảo chống tràn, ứng trong mùa mưa bão.
11	Nạo vét kênh Thạch Khối – Đoàn Thượng	2013 - 2017	<ul style="list-style-type: none"> - Nạo vét lòng sông, bãi bồi, mở rộng mặt cắt các vị trí co hẹp đầm bảo phục vụ tưới tiêu và giao thông thủy; - Kè bảo vệ bờ chống xói lở bờ sông.
12	Nghiên cứu nâng cao chất lượng các giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản mới áp dụng vào sản xuất nhằm thích ứng với BĐKH	2013 - 2015	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu xây dựng các giống cây trồng vật nuôi và thủy sản mới có chất lượng tốt thích ứng với điều kiện BĐKH. - Xây dựng các tài liệu quy trình kỹ thuật cài tạo, lai ghép các giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản mới để phổ biến cho người dân.